

Bản án số: 790/2024/DS-PT  
Ngày: 19 - 9 - 2024  
V/v “Yêu cầu chia thừa kế QSD đất”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chung Văn Kết

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Cao Văn Tám

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đàm Lê Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 481/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 6 năm 2024 “Yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5272/2024/QĐPT-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Bà Lê Thị H, sinh năm 1966;

2. Bà Lê Thị Ử, sinh năm 1952;

Cùng nơi cư trú: số B, tổ A, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1990, nơi cư trú: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang (Theo giấy ủy quyền ngày 04/5/2020 và ngày 11/5/2020, có mặt).

**- Bị đơn:**

1. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1964; nơi cư trú: Tổ A, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1959; nơi cư trú: khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang (Theo giấy ủy quyền ngày 17/3/2023, vắng mặt).

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Lê Thị H1, sinh năm 1980;

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H1:* Bà Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1999; nơi cư trú: 1 D, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 11/9/2024) có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H1:* Luật sư Đặng Thanh S, VPLS Trương Quyền, Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

2. Ông Lê Văn T1, sinh năm 1986

3. Bà Lê Thị V (tự H2), sinh năm 1957 (xin xét xử vắng mặt)

4. Bà Lê Thị L, sinh năm 1962 (có mặt)

Cùng nơi cư trú: tổ A, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền cho ông T1, ông L1:* chị Lê Thị H1, sinh năm 1980 (theo Văn bản ủy quyền ngày 27/7/2020 và ngày 20/11/2023, có mặt).

5. UBND thị xã T.

*Đại diện tham gia gia tố tụng ông Đặng Văn N – Phó Chủ tịch UBND* (theo Văn bản ủy quyền ngày 14/9/2020, vắng mặt).

6. Ông Huỳnh Văn L2 (cha chị H1), sinh năm 1957; nơi cư trú: Tổ I, ấp A, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

*Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Lê Thị H, Lê Thị Ử và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị H1, bà Lê Thị L, bà Lê Thị V.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị H, bà Lê Thị Ử; Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Kim T trình bày:***

Bà H và bà Ử là con của cụ Lê Văn Q sinh năm 1926 (chết 2007) và bà Huỳnh Thị B sinh năm 1936 (chết năm 1973), hai cụ có 07 con chung là Lê Thị Ử, Lê Thị L3 (chết, bà L3 có chồng là ông L2, con là bà H1, ông T1), Lê Thị V, Lê Thị L, Lê Văn Đ, Lê Thị H, Lê Thị Q1 (chết không có chồng con), di sản của 02 cụ chết để lại là quyền sử dụng đất diện tích 655,8m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã L, huyện P (nay là thị xã T, tỉnh An Giang, trên đất có phần mộ ông Q) do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho cụ Lê Văn Q đứng tên ngày 07/7/2003, cha, mẹ bà chết không để lại di chúc, đất

chưa chia thừa kế, hiện nay bà Lê Thị H1 (con bà L3) quản lý sử dụng phần đất trên, nay các bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật diện tích 655,8m<sup>2</sup> cho 06 thừa kế (yêu cầu nhận đất), không đồng ý yêu cầu bồi thường thiệt hại 5.600.000 đồng theo yêu cầu của bà H1, tại biên bản hòa giải ngày 07/9/2023 bà H, bà Ủ do bà T đại diện theo ủy quyền đồng ý chia thừa kế diện tích đất theo chiều ngang thành 06 phần cho các thừa kế theo kết quả đo vẽ xác định rõ diện tích đất từng suất thừa kế của cơ quan đo đạc lập ngày 24/10/2023, đồng ý cho bà H1 được tự chọn lô đất theo vị trí mà bà H1 (con bà L3) mong muốn; còn lại chia cho các thừa kế, những thừa kế được nhận lô đất thừa kế được chia thì họ được quyền sử dụng các loại cây trồng, vật kiến trúc gắn liền trên lô đất được giao theo bản vẽ nếu có, không ai tranh chấp với nhau về cây trồng, vật kiến trúc gắn liền với đất được chia, thống nhất kết quả định giá, kết quả thẩm định (không yêu cầu định giá lại đất tranh chấp), ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

***Theo đơn phản tố và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Lê Văn Đ, người đại diện theo uỷ quyền cho ông Đ là ông Nguyễn Văn M trình bày:***

Diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã L, huyện P (nay là thị xã T, tỉnh An Giang, trên đất có phần mộ ông Q) do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho cụ Lê Văn Q đứng tên ngày 07/7/2003 (cha ông Đ) nguồn gốc là của bà Trần Thị H3, bà H3 đã cho ông ngày 26/5/1979 (tờ cho đất thổ cư BL 117), năm 2003 ông kê khai quyền sử dụng đất không được cấp, không rõ sau Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thị xã T cấp cho ông Q là cha ông diện tích đất nêu trên), ông Đ yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 655,8m<sup>2</sup> do ông Q đứng tên (Đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 15/7/2020, bản tự khai 27/5/2020 ông Đ không yêu cầu Tòa án công nhận cho ông sử dụng tích đất 655,8m<sup>2</sup>, BL 119, 120); trong quá trình tố tụng ông Đ yêu cầu Tòa án công nhận cho ông sử dụng diện tích đất 655,8m<sup>2</sup>, tại biên bản hòa giải ngày 07/9/2023 ông M đại diện ủy quyền cho ông Đ không có ý kiến yêu cầu bổ sung, không đồng ý nội dung của bà H, bà Ủ do bà T đại diện và bà H1 yêu cầu chia thừa kế, ông yêu cầu Tòa án xét xử vụ án theo pháp luật.

***Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Lê Thị H1 (con bà L3 chết năm 1991) trình bày: Diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã L, huyện P (nay là thị xã T, tỉnh An Giang, trên đất có phần mộ ông Q) do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho cụ Lê Văn Q đứng tên ngày 07/7/2003 (cha ông Đ) đang tranh chấp thừa kế nguồn gốc là của bà Trần Thị H3, bà H3 đã cho ông Q trước năm 1975, ông Lê Văn Q sinh năm 1926 (chết 2007) và bà Huỳnh Thị B sinh năm 1936 (chết năm 1973) là ông bà ngoại của bà, mẹ bà Lê Thị L3 (chết năm 1991), bà và em bà là ông T1 ở chung với ông Q tại nhà của ông Q nằm trên đất tranh chấp thừa kế từ nhỏ, năm 2007 ông Q chết bà quản lý sử dụng đất

này, năm 2019 bà sửa lại nhà để ở thì bà H ngăn cản không cho sửa nhà, bà tiếp tục ở trên nhà tạm cho đến nay (loại nhà tạm theo kết quả thẩm định của Tòa án), bà yêu cầu di sản đất thừa kế đều cho 06 thừa kế (bà nhận đất không nhận tiền BL 17), bà yêu cầu bà Lê Thị H bồi thường thiệt hại cây gỗ sửa nhà cho bà và ngày công lao động số tiền 5.600.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 07/9/2023 bà H1 yêu cầu được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật là di sản thừa kế của ông Q và bà B1 chết để lại (vì bà và ông T1, ông L2 là thừa kế thế vị của bà L3, bà L3 chết năm 1991, chết trước ông Q vì ông Q chết năm 2007, bà B1 chết năm 1973); hiện chị em bà không có nhà ở chỗ khác, còn các thừa kế khác của ông Q và bà B1 (bà Ủ, bà V, bà L, bà Q1 chết trước giải phóng không có chồng con, ông Đ, bà H) có nhà ở ổn định, riêng phần nhà tạm chuồng heo diện tích 19,7m<sup>2</sup> do bà với bà H đầu tư tài chính để cất thì nay bà với bà H không tranh chấp; bà H đầu tư tài chính để xây bó nền diện tích 48.1m<sup>2</sup> nay bà không tranh chấp về giá trị đầu tư; Tại buổi hoà giải ngày 07/9/2023, đại diện cho nguyên đơn yêu cầu được chia đất theo chiều ngang cho các thừa kế thì bà đồng ý, căn cứ kết quả đo vẽ phân định diện tích đất nêu trên theo 06 lô của cơ quan chuyên môn; khi đó bà sẽ chọn 01 suất thừa kế trên bản vẽ, những thừa kế còn lại nhận lô đất nào thì họ được quyền sử dụng các loại cây trồng gắn liền trên lô đất đó, không ai tranh chấp với nhau về cây trồng vật kiến trúc gắn liền với đất được chia, bà thống nhất kết quả định giá, kết quả thẩm định (không yêu cầu định giá lại đất tranh chấp), ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

- Bà Lê Thị L, bà Lê Thị V cùng trình bày tại tờ tự khai ngày 28/7/2020 như sau: Cụ Lê Văn Q sinh năm 1926 (chết 2007) và bà Huỳnh Thị B sinh năm 1936 (chết năm 1973) là cha, mẹ của 02 bà, hai cụ có 07 con chung là Lê Thị Ủ, Lê Thị L3 (chết, bà L3 có chồng là ông L2, con là bà H1, ông T1), Lê Thị V, Lê Thị L, Lê Văn Đ, Lê Thị H, Lê Thị Q1 (chết không có chồng con), di sản của 02 cụ chết để lại là quyền sử dụng đất diện tích 655,8m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã L, huyện P (nay là thị xã T, tỉnh An Giang, trên đất có phần mộ ông Q) do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho cụ Lê Văn Q đứng tên ngày 07/7/2003, cha, mẹ bà chết không để lại di chúc, đất chưa chia thừa kế, hiện nay bà Lê Thị H1 (con bà L3) quản lý sử dụng phần đất trên, nay các bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật diện tích 655,8m<sup>2</sup> cho 06 thừa kế, yêu cầu nhận đất không nhận giá trị đất (BL 86, 87).

- Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang có ý kiến Tại Công văn số: 1877/UBND-NC ngày 28/6/2022 như sau: về trình tự cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn Q tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện đúng theo quy định Quyết định số: 272/2022/QĐ-UBND ngày 30/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh A; nên việc ông Lê Văn Đ yêu cầu Tòa



án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lê Văn Q là không có căn cứ (BL 181).

- Ông Huỳnh Văn L2 có ý kiến như sau: Ông L2 xác định ông là chồng bà L3 đã chết năm 1991 (cha chị H1, anh T1); về di sản thừa kế của ông Lê Văn Q sinh năm 1926 (chết 2007) và bà Huỳnh Thị B sinh năm 1936 (chết năm 1973) để lại là diện tích 655,8m<sup>2</sup>, đất này do ông Lê Văn Q được cấp quyền sử dụng đất ngày 14/7/2023 cho ông Q, ông đồng ý để cho 02 con là chị bà H1, anh T1 được hưởng phần thừa kế của bà L3, ông không khiếu nại, tranh chấp gì đối với di sản thừa kế của chị H1, anh T1 được hưởng (BL 343).

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, quyết định:**

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, bà Lê Thị Ủ.
2. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của ông Lê Văn Đ không yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thị xã T) cấp cho ông Lê Văn Q ngày 07/7/2003; không yêu cầu Tòa án giao cho ông sử dụng diện tích đất 655,8m<sup>2</sup>.
3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thị xã T) cấp cho ông Lê Văn Q ngày 07/7/2003 không còn giá trị pháp lý (vì đã chia thừa kế đất diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> cho các thừa kế ông Q).
4. Chấp nhận một phần khởi kiện yêu cầu độc lập của bà Lê Thị H1.
5. Xác định diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thị xã T) cấp cho ông Lê Văn Q ngày 07/7/2003 là di sản thừa kế của cụ Lê Văn Q (chết năm 2007) và cụ Huỳnh Thị B (chết năm 1973) để lại chia thừa kế theo pháp luật cho các thừa kế của cụ Q và cụ B.
6. Xác định hàng thừa kế của ông Lê Văn Q và Huỳnh Thị B được hưởng di sản thừa kế diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> là bà Lê Thị Ủ, bà Lê Thị V, bà Lê Thị L, ông Lê Văn Đ, Lê Thị H, các thừa kế của bà Lê Thị L3 (con ông Q bà B chết năm 1991) là bà Lê Thị H1 và ông Lê Văn T1 (ông Huỳnh Văn L2 chồng bà L3 từ chối nhận di sản của Lê Thị L3).
7. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị H; bà Lê Thị Ủ; ông Lê Văn Đ, thừa kế của bà Lê Thị L3 (chết năm 1991) là bà Lê Thị H1 và ông Lê Văn T1, ông Huỳnh Văn L2 (ông L2 chồng bà L3 từ chối nhận di sản của bà Trần Thị L4) không tranh chấp, cụ thể là;

- Không yêu cầu giải quyết diện tích  $m^2$  chênh lệch không lớn tại các lô đất chia thừa kế từ lô đất số 01 đến lô đất số 06 theo bản vẽ ngày 24/10/2023 khi các thừa kế nhận đất.

- Bà Lê Thị H; bà Lê Thị Ú; ông Lê Văn Đ, thừa kế của bà Lê Thị L3 (chết năm 1991) là bà Lê Thị H1 và ông Lê Văn T1, ông Huỳnh Văn L2 (ông L2 chồng bà L3 từ chối nhận di sản của bà Trần Thị L4) thống nhất ai nhận lô đất nào theo bản vẽ ngày 24/10/2023 thì hưởng huê lợi, vật kiến trúc trên đất đó, không tranh chấp huê lợi, vật kiến trúc nhà tạm trên đất thuộc diện tích đất  $655,8m^2$  của ông Q được cấp QSD đất ngày 07/07/2003 theo bản ngày 24/10/2023 (theo diện tích xử giao đất cho các thừa kế tại quyết định của Bản án đã tuyên).

8. Xử, chia thừa kế theo pháp luật diện tích đất  $655,8m^2$  của ông Q được cấp QSD đất ngày 07/07/2003 theo bản ngày 24/10/2023; giao đất và tài sản gắn liền trên đất cho các thừa kế của ông Lê Văn Q và bà Huỳnh Thị B cho các thừa kế là; bà Lê Thị H; bà Lê Thị Ú; ông Lê Văn Đ, bà Lê Thị L; bà Lê Thị V, thừa kế của bà Lê Thị L3 (chết năm 1991) là bà Lê Thị H1 và ông Lê Văn T1 nhận đất (giá trị đất, huê lợi trên đất của một suất thừa kế của các đương sự được nhận trị giá 457.076.166 đồng) cụ thể;

- Giao cho bà Lê Thị Ú được quyền sử dụng diện tích đất  $107,7m^2$  (cả huê và vật kiến trúc gắn liền với đất) tại lô đất số 03 giới hạn tại các điểm 101, 102, 107, 96, 108 thuộc diện tích đất  $655,8m^2$  của ông Lê Văn Q được cấp quyền sử dụng đất ngày 07/7/2003 theo bản ngày 24/10/2023; bà Lê Thị Ú có quyền đến cơ quan Nhà nước thực hiện đăng ký kê khai biến động xin cấp quyền sử dụng đất đối với diện đất  $107,7m^2$  tại lô đất số 03 giới hạn tại các điểm 101, 102, 107, 96, 108 thuộc diện tích đất  $655,8m^2$  của ông Lê Văn Q được cấp quyền sử dụng đất ngày 07/7/2003 theo bản ngày 24/10/2023 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05088/Oc tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 11 diện tích đất  $655,8m^2$  do Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thị xã T) cấp cho ông Lê Văn Q ngày 07/7/2003; bà Lê Thị Ú phải chịu chi phí tài chính cho việc đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện đất nêu trên theo quy định của Nhà nước khi bản án có hiệu lực thi hành.

- Giao cho bà Lê Thị L được quyền sử dụng diện tích đất  $107,7m^2$  (cả huê lợi và vật kiến trúc gắn liền với đất) tại lô đất số 04 giới hạn tại các điểm 102, 103, 106, 107 thuộc diện tích đất  $655,8m^2$  của ông Lê Văn Q được cấp quyền sử dụng đất ngày 07/7/2003 theo bản ngày 24/10/2023; bà Lê Thị L có quyền đến cơ quan Nhà nước thực hiện đăng ký kê khai biến động xin cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích đất  $107,7m^2$  tại lô số 04 giới hạn tại các điểm 102, 103, 106, 107 thuộc diện tích đất  $655,8m^2$  của ông Lê Văn Q được cấp quyền sử dụng đất ngày 07/7/2003 theo bản ngày 24/10/2023 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05088/Oc tại thửa đất số 46, tờ đồ số 11 diện tích đất  $655,8m^2$  do Ủy ban nhân

dân huyện P (nay là thị xã T) cấp cho ông Lê Văn Q ngày 07/7/2003; bà Lê Thị L phải chịu chi phí tài chính cho việc đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện đất nêu trên theo quy định của Nhà nước khi bản án có hiệu lực thi hành.

- Giao cho ông Lê Văn Đ được quyền sử dụng diện tích đất 109,1m<sup>2</sup> (cả huê lợi và vật kiến trúc trên đất) tại lô đất số 01 giới hạn tại các điểm 97, 98, 100, 109 (trên đất có phần mộ ông Lê Văn Q cha của các đương sự) thuộc diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> của ông Lê Văn Q được cấp quyền sử dụng đất ngày 07/7/2003 theo bản ngày 24/10/2023; ông Lê Văn Đ có quyền đến cơ quan Nhà nước thực hiện đăng ký kê khai biến động xin cấp quyền sử dụng đất với diện tích đất 109,1m<sup>2</sup> giới hạn tại các điểm 97, 98, 100, 109 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05088/Oc tại thửa đất số 46, tờ đồ số 11 diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thị xã T) cấp cho ông Lê Văn Q 07/7/2003 theo quy định của Luật Đất đai ông Lê Văn Đ phải chịu chi phí tài chính cho việc đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện đất nêu trên (trên đất có phần mộ ông Lê Văn Q cha các đương sự) theo quy định của Nhà nước khi bản án có hiệu lực thi hành (ông Lê Văn Đ phải tạo điều kiện thuận lợi cho các thừa kế của ông Lê Văn Q đến thăm viếng mộ ông Q trên đất này theo quy định pháp luật).

- Giao cho các thừa kế bà Lê Thị L3 (chết năm 1991) là bà Lê Thị H1 và ông Lê Văn T1 được quyền sử dụng diện tích đất 108,1m<sup>2</sup> (cả huê lợi và vật kiến trúc trên đất) tại lô đất số 02 giới hạn tại các điểm 101, 108, 109, 100 thuộc diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> của ông Lê Văn Q được cấp quyền sử dụng đất ngày 07/7/2003 theo bản ngày 24/10/2023 (ông Huỳnh Văn L2 cha bà H1, ông T1 từ chối nhận di sản thừa kế của bà L3 đã chết năm 1991); bà Lê Thị H1 và ông Lê Văn T1 có quyền đến cơ quan Nhà nước thực hiện đăng ký kê khai biến động xin cấp quyền sử dụng đất với diện tích đất 108,1m<sup>2</sup> tại lô số 02 giới hạn tại các điểm 101, 108, 109, 100 thuộc diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> của ông Lê Văn Q được cấp quyền sử dụng đất ngày 07/7/2003 theo bản ngày 24/10/2023 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05088/Oc tại thửa đất số 46, tờ đồ số 11 diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thị xã T) cấp cho ông Lê Văn Q ngày 07/7/2003; bà Lê Thị H1, ông Lê Văn T1 phải chịu chi phí tài chính cho việc đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên theo quy định Nhà nước khi Bản án có hiệu lực thi hành.

- Giao cho bà Lê Thị V quyền sử dụng diện tích đất 110,1m<sup>2</sup> (cả huê lợi và vật kiến trúc trên đất) tại lô đất số 05 giới hạn tại các điểm 103, 99, 104, 105, 106 thuộc diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> của ông Lê Văn Q được cấp quyền sử dụng đất ngày 07/7/2003 theo bản ngày 24/10/2023; bà Lê Thị V có quyền đến cơ quan Nhà nước thực hiện đăng ký kê khai biến động xin cấp quyền sử dụng đất với diện tích đất 110,1m<sup>2</sup> tại lô số 05 giới hạn tại các điểm 103, 99, 104, 105, 106 thuộc diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> của ông Lê Văn Q được cấp quyền sử dụng đất ngày 07/7/2003 theo

bản ngày 24/10/202 thuộc diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> của ông Lê Văn Q được cấp quyền sử dụng đất ngày 07/7/2003 theo bản ngày 24/10/2023 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05088/Oc tại thửa đất số 46, tờ đồ số 11 diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thị xã T) cấp cho ông Lê Văn Q2 ngày 07/7/2003; bà Lê Thị V phải chịu chi phí tài chính cho việc đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên theo quy định Nhà nước khi Bản án có hiệu lực thi hành.

- Giao cho bà Lê Thị H được quyền sử dụng diện tích đất 112,1m<sup>2</sup> (cả huê lợi và vật kiến trúc trên đất) lô đất số 06 giới hạn tại các điểm 104, 93, 94, 95, 105 thuộc diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> cấp ngày 07/7/2003 cho ông Q2 đứng tên theo kết quả đo vẽ của cơ quan chuyên môn lập ngày 24/10/2003; bà Lê Thị H có quyền đến cơ quan Nhà nước thực hiện đăng ký kê khai biến động xin cấp quyền sử dụng đất với diện tích đất 112,1m<sup>2</sup> tại lô số 06 giới hạn tại các điểm 104, 93, 94, 95, 105 thuộc diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> của ông Lê Văn Q được cấp quyền sử dụng đất ngày 07/7/2003 theo bản ngày 24/10/202 thuộc diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> của ông Lê Văn Q được cấp quyền sử dụng đất ngày 07/7/2003 theo bản ngày 24/10/2023 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05088/Oc tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 11 diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thị xã T) cấp cho ông Lê Văn Q ngày 07/7/2003 theo quy định của Luật Đất đai; bà Lê Thị H phải chịu chi phí tài chính cho việc đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên theo quy định Nhà nước khi Bản án có hiệu lực thi hành.

9. Buộc bà Lê Thị H, bà Lê Thị Ủ, ông Lê Văn Đ, bà Lê Thị V, bà Lê Thị L phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả tiền công sức quản lý di sản thừa kế diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> của ông Q được cấp QSD đất ngày 07/07/2003 theo bản vẽ ngày 24/10/2023 ½ giá trị xuất thừa kế 457.076.166 đồng cho thừa kế của bà Lê Thị L (chết năm 1991) là bà Lê Thị H1 và ông Lê Văn T1 nhận số tiền 228.538.038 đồng.

10. Buộc bà Lê Thị Ủ, ông Lê Văn Đ, bà Lê Thị V, Lê Thị L các thừa kế của bà Lê Thị L3 là bà Lê Thị H1 và ông Lê Văn T1 phải có trách nhiệm liên đới trả giá trị chênh lệch xuất thừa kế là đất cho bà Lê Thị H nhận số tiền 176.626.166 đồng.

11. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Lê Thị H1 yêu cầu bà Lê Thị H bồi thường thiệt hại.

12. Buộc bà Lê Thị H bồi thường thiệt hại cho bà Lê Thị H1 1.500.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

\* Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 16 tháng 01 năm 2024, bà Lê Thị H, bà Lê Thị L, bà Lê Thị Ủ, bà Lê Thị V có đơn kháng cáo toàn bộ đối với Bản án sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.



Ngày 22 tháng 01 năm 2024, bà Lê Thị H1 có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang. Yêu cầu được chia thêm 01 kỷ phần thừa kế trong tổng diện tích đất 655.8m<sup>2</sup> từ di sản của ông ngoại là ông Lê Văn Q chết để lại không có lập di chúc.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người kháng cáo bà Lê Thị H, bà Lê Thị L, bà Lê Thị Ứ, bà Lê Thị V xác định lại phạm vi, nội dung kháng cáo. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại 02 nội dung của quyết định bản án sơ thẩm: Không đồng ý việc trích công sức bảo quản, duy trì gìn giữ di sản thừa kế cho chị Hằng số tiền ½ giá trị kỷ phần là 228.538.038 đồng, vì di sản là do tất cả các anh em đều có công bảo quản, chị H1 là cháu ngoại ở chung với ông Q lúc còn sống; Số tiền bồi thường 1.500.000 đồng, vì khi sửa chữa lại nhà thì các nguyên đơn đã ngăn cản.

- Chị Lê Thị H1 và luật sư thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, lý do: Phần diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> đang tranh chấp là tài sản của hộ gia đình giữa ông Lê Văn Q (ông ngoại) và chị H1, án sơ thẩm xác định vụ án chia thừa kế là sai quan hệ pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Thấy rằng các đương sự đã được tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần; Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn Lê Thị H, Lê Thị Ứ, bà Lê Thị V và phía người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Thị H1 (đại diện cho Lê Văn T1, Huỳnh Văn L2), thấy rằng:

[2.1]. Các đồng thừa kế đều thống nhất diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã L, huyện P (nay là thị xã T), tỉnh An Giang là di sản thừa kế của cụ Lê Văn Q sinh năm 1926 và bà Huỳnh Thị B sinh năm 1936 chết để lại. Do 02 cụ không để lại di chúc nên thống nhất chia theo pháp luật đối với 06 lô đất theo bản vẽ ngày



24/10/2023. Theo kết quả định giá ngày 12/7/2023 thì tổng trị giá 2.742.457.000 đồng, chia cho 06 kỹ phần, mỗi suất thừa kế tương ứng số tiền 457.076.166 đồng (làm tròn).

Án sơ thẩm đã xem xét điều kiện thực tế về nhà ở, nguyện vọng của những người thừa kế và vị trí 06 lô đất đề phân chia hiện vật cho các đồng thừa kế, cụ thể chia cho bà Lê Thị Ú được quyền sử dụng diện tích đất 107,7m<sup>2</sup> tại lô đất số 03; cho bà Lê Thị L diện tích đất 107,7m<sup>2</sup> tại lô đất số 4; cho ông Lê Văn Đ được quyền sử dụng diện tích đất 109,1m<sup>2</sup> tại lô đất số 01; cho các thừa kế bà Lê Thị L3 (chết năm 1991) là bà Lê Thị H1 và ông Lê Văn T1 diện tích đất 108,1m<sup>2</sup> tại lô đất số 02; cho bà Lê Thị V diện tích đất 110,1m<sup>2</sup> tại lô đất số 05 và cho bà Lê Thị H diện tích đất 112,1m<sup>2</sup> tại lô đất số 06 là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng các bên.

[2.2]. Việc chị Lê Thị H1 (đại diện theo ủy quyền cho anh L2, T1) và luật sư cho rằng Tòa sơ thẩm xác định sai quan hệ tranh chấp, đề nghị hủy án sơ thẩm là không có cứ chấp nhận. Bởi lẽ, không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh phần diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> là tài sản của hộ gia đình giữa ông Q và chị H1 như lời trình bày của chị trước Tòa. Mặt khác, các đồng thừa kế thứ nhất, trong đó có cha ruột chị H1 là ông Huỳnh Văn L2 cũng thừa nhận: *phần diện tích đất trên là di sản thừa kế của ông Lê Văn Q sinh năm 1926 (chết 2007) và bà Huỳnh Thị B sinh năm 1936 (chết năm 1973) để lại, ông đồng ý để cho 02 con là chị H1, anh T1 được hưởng phần thừa kế của bà L3 (vợ ông, mẹ chị H1 đã chết), ông không khiếu nại, tranh chấp gì đối với di sản thừa kế của chị H1, anh T1 được hưởng (BL 343).*

Hơn nữa, việc chị H1 thay đổi nội dung kháng cáo từ xin hưởng thêm 01 kỹ phần thừa kế sang tài sản chung của hộ gia đình là vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu.

[2.3]. Án sơ thẩm còn xem xét phần giá trị đất chênh lệch chia thừa kế (đất trồng cây lâu năm, đất thổ cư) để buộc những người được nhận đất có giá trị cao hơn cùng liên đới hoàn lại giá trị chênh lệch theo kỹ phần là đảm bảo sự công bằng và quyền lợi các bên; cụ thể là buộc bà L; bà Ú; bà H1, ông T1; ông Đ; bà V liên đới hoàn trị giá chênh lệch đất chia thừa kế cho bà H nhận số tiền 176.626.166 đồng là phù hợp.

Tuy nhiên, việc không tuyên cụ thể nghĩa vụ của mỗi người là sẽ gặp khó khăn trong quá trình thi hành án; Cấp phúc thẩm sửa lại cách tuyên, bổ sung cụ thể: Buộc bà L; bà Ú; bà H1, ông T1; ông Đ; bà V liên đới hoàn trị giá chênh lệch đất chia thừa kế cho bà H nhận số tiền 176.626.166 đồng, mỗi người tương ứng 35.325.233 đồng.

[2.4]. Các vấn đề khác có liên quan đến kháng cáo:

Án sơ thẩm có xem xét công sức quản lý, giữ gìn di sản thừa kế của bà H1, ông T1 để trích cho hưởng tương ứng  $\frac{1}{2}$  giá trị giá một suất thừa kế số tiền 228.538.038 đồng là phù hợp với pháp luật. Tuy nhiên, quyết định bản án sơ thẩm tuyên “*Buộc bà Lê Thị H, bà Lê Thị Ứ, ông Lê Văn Đ, bà Lê Thị V, bà Lê Thị L phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả tiền công sức quản lý di sản thừa kế ...cho thừa kế của bà Lê Thị L (chết năm 1991) là bà Lê Thị H1 và ông Lê Văn T1 nhận số tiền 228.538.038 đồng*” là chưa cụ thể, gặp khó khăn trong quá trình thi hành án. Do đó, cần sửa lại cách tuyên cho cụ thể: Buộc bà Lê Thị H, bà Lê Thị Ứ, ông Lê Văn Đ, bà Lê Thị V, bà Lê Thị L phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả tiền công sức quản lý di sản thừa kế cho bà Lê Thị H1, ông Lê Văn T1 nhận số tiền 228.538.038 đồng, mỗi người tương ứng 45.707.607 đồng.

Ngoài ra, quyết định bản án sơ thẩm còn tuyên: “*3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thị xã T) cấp cho ông Lê Văn Q ngày 07/7/2003 không còn giá trị pháp lý (vì đã chia thừa kế đất diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> cho các thừa kế ông Q)*” là không cần thiết, vì đây là vụ án chia thừa kế, những người được chia đất có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy CNQSD đất theo quyết định của Tòa án, vấn đề này Tòa sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3]. Từ những phân tích, nhận định trên thấy rằng yêu cầu kháng cáo của các đương sự là không có căn cứ. Do đó, Quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Do sửa án sơ thẩm về cách tuyên án và bổ sung cụ thể nghĩa vụ của từng người nên án phí dân sự được xác định lại như sau:

[4.1]. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Lê Thị H, bà Lê Thị Ứ, bà Lê Thị L, bà Lê Thị V, ông Lê Văn Đ, bà Lê Thị H1 với ông Lê Văn T1, mỗi thừa kế phải chịu 22.238.047 đồng án phí chia thừa kế.

- Bà Lê Thị H1 và ông Lê Văn T1 cùng phải chịu 11.426.902 đồng án phí tiền công sức quản lý di sản thừa kế của số tiền 228.538.038 đồng và án phí yêu cầu bồi thường thiệt hại không được chấp nhận.

- Bà Lê Thị Ứ, bà Lê Thị L, bà Lê Thị V, ông Lê Văn Đ, bà Lê Thị H1 với ông Lê Văn T1 phải chịu án phí đối với số tiền chênh lệch suất thừa kế 176.626.166 đồng, tương đương mỗi người phải chịu 1.471.885 đồng (riêng bà H1, ông T1 cùng chịu).

[4.2]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Lê Thị H, bà Lê Thị H1, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm được khấu trừ theo biên lai số 0000161 ngày 07/02/2024 và số 0000165 ngày 22/02/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Bà Lê Thị Ủ, Lê Thị V, Lê Thị L được miễn nộp, do thuộc trường hợp người cao tuổi.

[5]. Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị H, bà Lê Thị L, bà Lê Thị Ủ, bà Lê Thị V và bà Lê Thị H1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

*Tuyên xử:* (Sửa lại cách tuyên).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H, bà Lê Thị Ủ và một phần yêu cầu độc lập của bà Lê Thị H1.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của ông Lê Văn Đ về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thị xã T) cấp cho ông Lê Văn Q ngày 07/7/2003 và yêu cầu giao cho ông sử dụng diện tích đất 655,8m<sup>2</sup>.

3. Xác định diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thị xã T) cấp cho ông Lê Văn Q ngày 07/7/2003 là di sản thừa kế của cụ Lê Văn Q (chết năm 2007) và cụ Huỳnh Thị B (chết năm 1973) để lại.

4. Xác định hàng thừa kế của cụ Lê Văn Q và cụ Huỳnh Thị B gồm: Bà Lê Thị Ủ, bà Lê Thị V, bà Lê Thị L, ông Lê Văn Đ, Lê Thị H; các thừa kế của bà Lê Thị L3 (chết năm 1991) là chị Lê Thị H1 và anh Lê Văn T1 (ông Huỳnh Văn L2 chồng bà L3 từ chối nhận di sản).

5. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị H; bà Lê Thị Ủ; ông Lê Văn Đ, thừa kế của bà Lê Thị L3: chị Lê Thị H1, anh Lê Văn T1 (con), ông Huỳnh Văn L2 (chồng) không tranh chấp, cụ thể:

Không yêu cầu giải quyết diện tích chênh lệch tại các lô đất chia thừa kế từ lô đất số 01 đến lô đất số 06 theo bản ngày 24/10/2023 khi các thừa kế nhận đất; Thống nhất ai nhận lô đất nào thì hưởng huê vật kiến trúc trên đất đó, không tranh chấp huê vật kiến trúc nhà tạm trên đất theo quyết định của B2 đã tuyên.

6. Chia thừa kế theo pháp luật diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> là di sản của cụ Lê Văn Q và cụ Huỳnh Thị B cho các thừa kế, cụ thể:

- Chia cho bà Lê Thị Ử được quyền sử dụng diện tích đất 107,7m<sup>2</sup> (cả huê và vật kiến trúc gắn liền với đất) tại lô đất số 03 giới hạn tại các điểm 101, 102, 107, 96, 108 thuộc diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> của ông Lê Văn Q được cấp quyền sử dụng đất ngày 07/7/2003 (*Vị trí thể hiện theo bản ngày 24/10/2023*).

- Chia cho bà Lê Thị L được quyền sử dụng diện tích đất 107,7m<sup>2</sup> (cả huê lợi và vật kiến trúc gắn liền với đất) tại lô đất số 04 giới hạn tại các điểm 102, 103, 106, 107 thuộc diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> của ông Lê Văn Q được cấp quyền sử dụng đất ngày 07/7/2003 (*Vị trí thể hiện theo bản vẽ ngày 24/10/2023*).

- Chia cho ông Lê Văn Đ được quyền sử dụng diện tích đất 109,1m<sup>2</sup> (cả huê lợi và vật kiến trúc trên đất) tại lô đất số 01 giới hạn tại các điểm 97, 98, 100, 109 (trên đất có phần mộ ông Lê Văn Q cha của các đương sự) thuộc diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> của ông Lê Văn Q được cấp quyền sử dụng đất ngày 07/7/2003. (*Vị trí thể hiện theo bản vẽ ngày 24/10/2023*).

- Chia cho các thừa kế bà Lê Thị L3 (chết năm 1991) là chị Lê Thị H1 và anh Lê Văn T1 được quyền sử dụng diện tích đất 108,1m<sup>2</sup> (cả huê lợi và vật kiến trúc trên đất) tại lô đất số 02 giới hạn tại các điểm 101, 108, 109, 100 thuộc diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> của ông Lê Văn Q được cấp quyền sử dụng đất ngày 07/7/2003 (*Vị trí thể hiện theo bản vẽ ngày 24/10/2023*).

- Chia cho bà Lê Thị V quyền sử dụng diện tích đất 110,1m<sup>2</sup> (cả huê lợi và vật kiến trúc trên đất) tại lô đất số 05 giới hạn tại các điểm 103, 99, 104, 105, 106 thuộc diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> của ông Lê Văn Q được cấp quyền sử dụng đất ngày 07/7/2003 theo bản ngày 24/10/2023 (*Vị trí thể hiện theo bản ngày 24/10/2023*);

- Chia cho bà Lê Thị H được quyền sử dụng diện tích đất 112,1m<sup>2</sup> (cả huê lợi và vật kiến trúc trên đất) lô đất số 06 giới hạn tại các điểm 104, 93, 94, 95, 105 thuộc diện tích đất 655,8m<sup>2</sup> cấp ngày 07/7/2003 cho ông Q đứng tên theo kết quả đo vẽ của cơ quan chuyên môn lập ngày 24/10/2003 (*Vị trí thể hiện theo bản ngày 24/10/2023*);

Những người được chia di sản thừa kế: bà Lê Thị Ử, bà Lê Thị L, ông Lê Văn Đ, bà Lê Thị V, bà Lê Thị H, chị Lê Thị H1 và anh Lê Văn T1 có thẩm quyền liên hệ đến cơ quan Nhà nước thực hiện đăng ký kê khai biến động xin cấp quyền sử dụng đất được chia theo quy định pháp luật. Trên đất có phần mộ ông Lê Văn Q (cha đương sự), phải tạo điều kiện thuận lợi cho các thừa kế đến thăm viếng mộ.

7. Buộc bà Lê Thị H, bà Lê Thị Ử, ông Lê Văn Đ, bà Lê Thị V, bà Lê Thị L phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả tiền công sức quản lý di sản thừa kế cho chị Lê

Thị H1, anh Lê Văn T1 số tiền 228.538.038 đồng, mỗi người tương ứng 45.707.607 đồng.

8. Buộc bà Lê Thị Ủ, ông Lê Văn Đ, bà Lê Thị V, Lê Thị L, chị Lê Thị H1 và anh Lê Văn T1 phải có trách nhiệm liên đới trả giá trị chênh lệch xuất thừa kế cho bà Lê Thị H số tiền 176.626.166 đồng, mỗi người tương ứng 01 suất số tiền 35.325233 đồng (riêng chị H1, anh T1 cùng có trách nhiệm 01 suất).

9. Về án phí:

9.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Lê Thị H, bà Lê Thị Ủ, bà Lê Thị L, bà Lê Thị V, ông Lê Văn Đ, bà Lê Thị H1 với ông Lê Văn T1, mỗi thừa kế phải chịu 22.238.047 đồng án phí chia thừa kế.

- Chị Lê Thị H1 và anh Lê Văn T1 cùng phải chịu 11.426.902 đồng án phí tiền công sức quản lý di sản thừa kế.

- Bà Lê Thị Ủ, bà Lê Thị L, bà Lê Thị V, ông Lê Văn Đ, bà Lê Thị H1 với ông Lê Văn T1 phải chịu án phí đối với số tiền chênh lệch suất thừa kế 176.626.166 đồng, tương đương mỗi người phải chịu 1.471.885 đồng (riêng chị H1, anh T1 cùng chịu).

9.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bà Lê Thị H, bà Lê Thị H1, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm được khấu trừ theo biên lai số 0000161 ngày 07/02/2024 và số 0000165 ngày 22/02/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Bà Lê Thị Ủ, Lê Thị V, Lê Thị L được miễn nộp, do thuộc trường hợp người cao tuổi.

10. Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

11. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu: DS, VP, 21bTTLH.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chung Văn Kết**



